

Bài học ngày 13.7.2021

CÂU TRẢ LỜI LỚN CHO CÂU HỎI NHỎ **Kinh Đồ Ăn (Annasuttam)**

CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM THIÊU CHÁY (S.i,32)

Đức Phật dạy có bốn dưỡng tố hay thức ăn cho sự sống. Đoàn thực thực phẩm như cơm, bánh nuôi thân; xúc thực là sự xúc tác của căn, cảnh và thức tạo nên cảm thọ; tư niệm thực là sở hành tạo tác nuôi dưỡng sự tồn tại của kiếp trầm luân; thức thực là tác động của tâm thức đối với danh sắc. Trong bài kệ này vị thiên nêu lên câu hỏi tầm thường về hưởng thụ ẩm thực. Đức Thế Tôn trả lời bằng kệ ngôn nói về tư niệm thực hiền thiện. Câu trả lời thoát nghe như không liên quan tới câu hỏi nhưng kỳ thực là một cái nhìn cao rộng của bậc Đại Giác.



Kinh Văn

Evam me sutam :

Như vậy tôi nghe.

ekam samayaṃ Bhagavā sāvatthiyaṃ viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Atha kho aññatarā devatā abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ jetavanaṃ obhāsetvā yena Bhagavā tenupasaṅkami upasaṅkamitvā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhāsi.

Một thời Thế Tôn ở Sāvattihī (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Rồi một vị Thiên, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

Ekamantaṃ tithā kho sā devatā bhagavato santike imā gāthāyo abhāsi :

Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

(Vị Thiên)

**"Annamevābhinandanti, ubhaye devamānūsā.
Atha ko nāma so yakkho, yaṃ annaṃ nābhinandatīti..**

"Trời, Người, cả hai loài,
Đều ưa thích ăn uống,
Vị Dạ-xoa tên gì,
Lại không thích ăn uống?

Bản hiệu đính:

*"Chư thiên và nhân loại,
Đều thích thú ẩm thực,
Thần thánh nào ở đời,
Lại không thích ăn uống?*

(Thế Tôn)

**"Ye naṃ dadanti saddhāya, vip̄pasannena cetasā.
Tameva annaṃ bhajati, asmim̄ loke paramhi ca..
"Tasmā vineyya maccheraṃ, dajjā dānaṃ malābhibhū.
Puññāni paralokasmim̄, patiṭṭhā honti pāṇinanti..**

"Ai cho với lòng tin,
Với tâm tư thanh tịnh,
Được phần món ăn ấy,
Đời này và đời sau.

"Vậy hãy ngừa xan tham,
Bồ thí, nhiếp cầu uế,
Hữu tình vững an trú,
Công đức trong đời sau.

Bản hiệu đính:

*"Ai cho với niềm tin,
Với tâm tư trong sáng,
Được hưởng phần thọ thực,
Đời này và đời sau.*

"Hãy từ bỏ keo kiệt,
Bố thí, nhiếp cầu uế,
Phước là chỗ nương tựa,
Cho chúng sanh đời sau.



Thích văn

Tasmā vineyya maccheraṃ, dajjā dānaṃ malābhibhū = (bố thí được hiểu là) từ bỏ
bỏn sẻn, vượt qua uế nhiễm của phiền não.

patitṭhā = nâng đỡ, làm chỗ nương cũng là một trong những định nghĩa của chữ
puññā (phước báu)



Thích nghĩa

Yakkha thường đọc âm và dạ xoa được hiểu như quỷ dữ. Trong kinh Phạm ngữ
Yakkha thường chỉ cho những phi nhân có uy lực lớn. Ngay cả thiên chủ Đế Thích
đôi lúc cũng được gọi là *yakkha*. Từ ngữ này trong ngôn ngữ của chư thiên chỉ cho
‘bậc kiệt xuất’.

Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng

-ooOoo-

3. Annasuttam [Mūla]

43. "Annamevābhinandanti, ubhaye devamānūsā.
Atha ko nāma so yakkho, yaṃ annaṃ nābhinandatīti..
"Ye naṃ dadanti saddhāya, vippasanna cetasā.
Tameva annaṃ bhajati, asmiṃ loke paramhi ca..
"Tasmā vineyya maccheraṃ, dajjā dānaṃ malābhibhū.
Puññāni paralokasmiṃ, patitṭhā honti pāṇinanti..

3. Annasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

43. Tatiye **abhinandantīti** patthenti. **Bhajatīti** upagacchati, cittaḡahapatisīvalittherādike viya pacchato anubandhati. **Tasmāti** yasmā idhaloke paraloke ca annadāyakameva anugacchati, tasmā. Sesam uttānamevāti. Tatiyaṃ.